

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HIỆU LỰC ĐỐI KHÁNG VỚI NGƯỜI THỨ BA CỦA BIỆN PHÁP CẦM CỐ TÀI SẢN

Nguyễn Hoàng Giang, Trường Đại học Thành Đông

Email: luatsugiang1995@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết khái quát quy định pháp luật Việt Nam về hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm đối với người thứ ba và đi sâu vào phân tích, đánh giá các quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố tài sản, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp tối ưu củng cố quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản.

Từ khóa: pháp luật; biện pháp bảo đảm; cầm cố tài sản; hiệu lực đối kháng

ABSTRACT

The article provides a general overview of Vietnamese law provisions about countervailing effect with third persons of security measures and in-depth analysis, evaluate of legal provisions of Vietnam countervailing effect with third persons of property pledge measure, then make recommendations, optimal solutions to consolidate legal provisions on the countervailing effect with third person of property pledge measures.

Key words: law; security measures; property pledge; countervailing effect

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi giao kết hợp đồng dân sự, các chủ thể của giao dịch luôn chú ý đến nghĩa vụ của đối phương và các biện pháp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, để tránh các thiệt hại có thể xảy ra khi một bên vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Thực tiễn cũng cho thấy rằng trong quan hệ giao dịch dân sự có biện pháp bảo đảm, khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể không chỉ làm phát sinh hiệu lực đối kháng giữa các bên tham gia giao dịch mà còn phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba không nằm trong giao dịch đó. Vì vậy, đã từ rất lâu đời, các chế định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được pháp điển hoá ở các bộ luật, quy ước để các bên có thể áp dụng trong giao dịch dân sự. Tại Việt Nam, quy định về các biện pháp bảo đảm về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng ngày càng được hoàn thiện qua các

thời kỳ, nhưng chỉ đến khi Bộ luật Dân sự 2015, Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Nghị định 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm được ban hành thì quy định về hiệu lực đối kháng đối với người thứ ba của biện pháp bảo đảm mới được thể hiện một cách rõ nét. Theo đó, các biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba bao gồm: cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lưu quyền sở hữu, ký quỹ, ký cược, đặt cọc và cầm giữ tài sản. Trong phạm vi bài viết, tác giả nêu khái quát quy định pháp luật Việt Nam về hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm, đồng thời phân tích chuyên sâu các nội dung về hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản, từ đó đưa ra những kiến nghị góp phần củng cố hoàn thiện quy

định pháp luật về hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái quát quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm

Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện tại thì vẫn chưa có quy định nêu cụ thể khái niệm hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm. Tiến sĩ Nguyễn Minh Tuấn cho rằng, hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm chính là căn cứ pháp lý để xác định quyền truy đòi tài sản bảo đảm, quyền được thanh toán của bên nhận bảo đảm khi nhiều người cùng có quyền đối với tài sản bảo đảm [1, tr.492]. Trong Giáo trình Luật dân sự của Trường Đại học Luật Hà Nội cho rằng hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm được hiểu là mọi chủ thể khác đều phải chấp nhận, tôn trọng các quyền của người nhận bảo đảm [2, tr.70]. Theo đó, có thể hiểu đơn giản hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm là khi xác lập giao dịch đảm bảo, quyền và nghĩa vụ các bên trong giao dịch không chỉ xác lập với hai bên trong giao dịch mà trong một số trường hợp còn phát sinh với bên thứ ba đang chiếm giữ hoặc có quyền đối với tài sản bảo đảm, buộc bên thứ ba phải tôn trọng và chấp nhận đối với quyền của bên nhận bảo đảm [3, tr.12].

Biện pháp bảo đảm chỉ phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba khi hợp đồng bảo đảm đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, trường hợp hợp đồng bảo đảm vô hiệu thì hệ quả của nó dẫn đến hiệu lực đối kháng với người thứ ba của nó cũng đương nhiên. Ví dụ: trong biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản, A và B khi giao kết hợp đồng cầm cố tài sản, nhưng tài sản cầm cố không thuộc sở hữu của A - người đi cầm cố, mà do A

đi trộm cắp có được... thì việc giao kết cầm cố tài sản này bị vô hiệu, do mục đích và nội dung của giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật (cụ thể đối tượng của giao dịch là tài sản do vi phạm pháp luật mà có). Theo như quy định của pháp luật thì hiệu lực đối kháng phát sinh kể từ thời điểm bên nhận bảo đảm cầm giữ tài sản, tuy nhiên như đã phân tích ở trên, giao dịch bảo đảm này bị vô hiệu, do đó không làm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba, vì vậy tài sản mang đi cầm cố do trộm cắp kia sẽ bị cơ quan nhà nước tịch thu và xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hợp đồng bảo đảm có hiệu lực pháp luật chỉ là điều kiện cần cho việc phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba, theo đó để đảm bảo phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì đối với từng biện pháp bảo đảm khác nhau sẽ xác định thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng khác nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 297 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm”*. Tại Điều 23 Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã quy định chi tiết hơn, cụ thể như sau:

“...2. Trường hợp biện pháp bảo đảm phải đăng ký theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc được đăng ký theo thỏa thuận hoặc được đăng ký theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm thì thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan là thời điểm biện pháp

bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

3. Trường hợp không thuộc khoản 2 Điều này thì hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản, đặt cọc, ký cược phát sinh từ thời điểm bên nhận bảo đảm nắm giữ tài sản bảo đảm.

Nắm giữ tài sản bảo đảm quy định tại khoản này là việc bên nhận bảo đảm trực tiếp quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản bảo đảm hoặc là việc người khác quản lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nhưng bên nhận bảo đảm vẫn kiểm soát, chi phối được tài sản này

4. Trường hợp tài sản bảo đảm thuộc biện pháp bảo đảm quy định tại khoản 3 Điều này được giao cho người khác quản lý thì hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba phát sinh từ thời điểm:

a) Bên nhận cầm cố, bên nhận đặt cọc hoặc bên nhận ký cược nắm giữ tài sản bảo đảm;

b) Người quản lý tài sản nhận trực tiếp tài sản bảo đảm từ bên cầm cố, bên đặt cọc hoặc bên ký cược;

c) Hợp đồng bảo đảm có hiệu lực trong trường hợp người khác đang quản lý trực tiếp tài sản mà tài sản này được dùng để cầm cố, để đặt cọc hoặc để ký cược.

5. Hiệu lực đối kháng của biện pháp ký quỹ với người thứ ba phát sinh từ thời điểm tài sản ký quỹ được gửi vào tài khoản phong tỏa tại tổ chức tín dụng nơi ký quỹ”

Như vậy, thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba là thời điểm nắm giữ tài sản bảo đảm hoặc thời điểm chiếm giữ tài sản bảo đảm hoặc thời điểm mà bên cầm cố, đặt cọc, ký

cược giao cho người khác quản lý nhưng vẫn kiểm soát và chi phối được tài sản hoặc thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm. Đối với biện pháp ký quỹ thì hiệu lực đối kháng với người thứ ba phát sinh từ thời điểm tài sản ký quỹ được gửi vào tài khoản phong tỏa tại tổ chức tín dụng nơi ký quỹ.

Pháp luật cũng đã quy định cụ thể về hệ quả khi biện pháp bảo đảm có hiệu lực đối kháng tại khoản 2 Điều 297 Bộ luật dân sự 2015: “*Khi biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi tài sản bảo đảm và được quyền thanh toán theo quy định tại Điều 308 của Bộ luật này và luật khác có liên quan*”. Quy định tại Điều 308 Bộ luật dân sự 2015 đã xác định và làm rõ các thứ tự ưu tiên thanh toán theo nguyên tắc: Trường hợp có biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng và có biện pháp bảo đảm không phát sinh hiệu lực đối kháng thì ưu tiên thanh toán cho bên nhận bảo đảm trong biện pháp bảo đảm có xác lập hiệu lực đối kháng trước bên nhận bảo đảm không xác lập; Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều được xác lập hiệu lực đối kháng thì ưu tiên thanh toán theo thứ tự xác lập biện pháp bảo đảm có hiệu lực đối kháng trước rồi lần lượt về sau; Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều không xác lập hiệu lực đối kháng thì ưu tiên thanh toán cho các giao dịch bảo đảm xác lập trước rồi lần lượt về sau [1, tr.505]. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam cũng đảm bảo cho yếu tố tự nguyện cam kết thỏa thuận trong dân sự, do đó các thứ tự thanh toán này cũng có thể bị tráo đổi nếu các bên có thỏa thuận.

Thời điểm chấm dứt hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm là thời điểm

nghĩa vụ bảo đảm được hoàn thành. Điều 302 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Trước thời điểm xử lý tài sản bảo đảm mà bên bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với bên nhận bảo đảm và thanh toán chi phí phát sinh do việc chậm thực hiện nghĩa vụ thì có quyền nhận lại tài sản đó, trừ trường hợp luật có quy định khác”*. Như vậy, khi nghĩa vụ bảo đảm được hoàn thành thì tài sản bảo đảm sẽ không được đem ra xử lý và bên bảo đảm sẽ được nhận lại tài sản đó, tức là không làm phát sinh quyền đối với tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm, mặc nhiên hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm chấm dứt [3, tr.30].

2.2. Quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố tài sản

2.2.1. Khái niệm về cầm cố tài sản

Quy định về biện pháp cầm cố tài sản được thể hiện từ Điều 309 đến Điều 316 Bộ luật dân sự 2015, và được hướng dẫn, cụ thể hoá tại Điều 31, Điều 32 Nghị định 21/2021/NĐ-CP. Điều 309 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”*. Theo quy định này thì cầm cố tài sản là việc bên nhận cầm cố giữ tài sản của bên có nghĩa vụ và khi mà bên có nghĩa vụ không hoàn thành nghĩa vụ, hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì tài sản cầm cố sẽ được bên nhận cầm cố đem ra xử lý để bù trừ nghĩa vụ. Có thể nhận định đây là một trong những biện pháp bảo đảm hữu hiệu nhất vì người nhận cầm cố giữ tài sản của bên nhận cầm cố cho nên khi bên có nghĩa vụ vi phạm thì rất dễ dàng xử lý tài sản cầm cố và thanh toán kịp

thời cho việc vi phạm nghĩa vụ. Nghị định 21/2021/NĐ-CP đã làm rõ hơn trong trường hợp cầm cố tài sản nhưng bên cầm cố không giữ tài sản mà tài sản cầm cố được giao cho người khác quản lý, nhưng bên nhận cầm cố vẫn có thể kiểm soát, chi phối được tài sản này. Một điều lưu ý đó là tài sản đem đi cầm cố phải thuộc quyền sở hữu của bên cầm cố. Như ví dụ đã nêu ở mục 2.1, trường hợp nếu tài sản cầm cố có được do ăn trộm, cướp giật thì giao dịch bảo đảm cũng vô hiệu, do tài sản đối tượng của giao dịch là tài sản do vi phạm pháp luật mà có.

2.2.2. Điều kiện phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản

Tương tự như tất cả các biện pháp bảo đảm, hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố chỉ phát sinh khi hợp đồng cầm cố tài sản đã có hiệu lực pháp luật. Theo Điều 310 Bộ luật dân sự 2015 quy định thì hợp đồng cầm cố tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tuy nhiên, hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản chưa có hiệu lực ngay khi hợp đồng cầm cố có tài sản mà phải phát sinh các trường hợp sau thì hiệu lực đối kháng với người thứ ba mới có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

- (i) Thời điểm bên nhận cầm cố nắm giữ tài sản cầm cố;
- (ii) Người quản lý tài sản nhận trực tiếp tài sản bảo đảm từ bên cầm cố;
- (iii) Hợp đồng bảo đảm có hiệu lực trong trường hợp người khác đang quản lý trực tiếp tài sản mà tài sản này được dùng để cầm cố;
- (iv) Thời điểm đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

liên quan đối với trường hợp biện pháp bảo đảm phải đăng ký theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan hoặc được đăng ký theo thỏa thuận hoặc được đăng ký theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm.

Một điều đáng chú ý là Bộ luật Dân sự 2015 đã nêu ra nội dung về việc cầm cố bất động sản sẽ phát sinh hiệu lực đối kháng kể từ thời điểm đăng ký. Theo đó, bất động sản bao gồm: Đất đai; nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai; tài sản khác gắn liền với đất đai, nhà, công trình xây dựng; tài sản khác theo quy định của pháp luật, tuy nhiên theo quy định pháp luật đất đai hiện hành thì không quy định về quyền cầm cố quyền sử dụng đất mà chỉ quy định về việc người sử dụng đất chỉ được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Hơn nữa, bản thân Bộ luật dân sự 2015 cũng không quy định cụ thể về trường hợp cầm cố quyền sử dụng đất trong nội dung quy định về hợp đồng về quyền sử dụng đất. Cụ thể, Điều 500 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng về quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó người sử dụng đất chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất hoặc thực hiện quyền khác theo quy định của Luật đất đai cho bên kia; bên kia thực hiện quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng với người sử dụng đất”*.

Như vậy, rõ ràng, trong hoạt động cầm cố bất động sản có những hạn chế nhất định hay nói chính xác là không phải tất cả các bất động sản đều được cầm cố.

Mặt khác, mặc dù Nghị định 99/2022/NĐ-CP mới được ban hành và

có hiệu lực vào ngày 15 tháng 01 năm 2023, tuy nhiên Nghị định vẫn chưa hoàn thiện và quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đăng ký cầm cố bất động sản được triển khai như thế nào, điều này dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn thực hiện.

Ngoài ra, cũng cần phải hiểu rõ nắm giữ tài sản trong các trường hợp nêu trên là việc bên nhận bảo đảm trực tiếp quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản bảo đảm hoặc là việc người khác quản lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, nhưng bên nhận bảo đảm vẫn kiểm soát, chi phối được tài sản này.

2.2.3. Hệ quả của việc phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba

Hệ quả của việc phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản được quy định tại điều Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015:

“1. Yêu cầu người đang chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản đó.

2. Xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật...”

Theo đó, trường hợp tài sản cầm cố bị người khác chiếm giữ một cách bất hợp pháp thì bên nhận cầm cố có quyền yêu cầu bên thứ ba đang chiếm giữ bất hợp pháp kia giao lại tài sản cho mình. Đồng thời, khi khi bên cầm cố vi phạm nghĩa vụ, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm thì bên nhận cầm cố sẽ được xử lý tài sản cầm cố để thanh toán cho nghĩa vụ. Nếu tài sản cầm cố nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ thì bên nhận cầm cố có quyền yêu cầu bên cầm cố thay thế một tài sản khác tương đương giá trị với nghĩa vụ, ngược lại nếu tài sản cầm cố lớn hơn giá

trị nghĩa vụ thì bên nhận cầm cố phải trả lại phần chênh lệch cho bên cầm cố.

2.2.4. Chấm dứt hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản

Hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố chấm dứt khi biện pháp cầm cố chấm dứt. Tại Điều 315 Bộ luật dân sự 2015 quy định cụ thể như sau:

“Cầm cố tài sản chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- 1. Nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt.*
- 2. Việc cầm cố tài sản được hủy bỏ hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác.*
- 3. Tài sản cầm cố đã được xử lý.*
- 4. Theo thỏa thuận của các bên”.*

Như vậy, hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố chấm dứt khi nghĩa vụ được bảo đảm đã được hoàn thành. Hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố cũng có thể chấm dứt nếu việc cầm cố tài sản được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác, trong trường hợp này thì hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố cũng chấm dứt theo, tuy nhiên có thể phát sinh hiệu lực đối kháng mới nếu biện pháp bảo đảm là biện pháp thế chấp tài sản...

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định các trường hợp chấm dứt hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố khác như tài sản cầm cố đã được xử lý hay theo thỏa thuận. Thực tế khi tài sản cầm cố đã được xử lý, tức là hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố đã thể hiện xong vai trò tác dụng của nó, quyền lợi của bên nhận cầm cố được đảm bảo và nghĩa vụ được bảo đảm đã được bù trừ xong thì mặc nhiên hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố cũng sẽ chấm dứt.

Đặc biệt, tuân theo nguyên tắc tự do thỏa thuận thì cầm cố tài sản cũng được chấm dứt khi các bên chủ thể tự nguyện bỏ thực hiện biện pháp bảo đảm, như vậy hiệu lực đối kháng cũng sẽ chấm dứt, bên nhận cầm cố mặc nhiên chấp nhận rủi ro với nghĩa vụ được bảo đảm khi chấm dứt việc cầm cố tài sản.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp cầm cố tài sản

Để góp phần hoàn thiện hệ thống các quy định về hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố tài sản, sau đây tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Một là, hoàn thiện hệ thống các văn bản dưới Luật về giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay, mặc dù Nghị định 21/2021/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Nghị định 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm mới được ban hành, tuy nhiên vẫn chưa giải quyết được vướng mắc thực tiễn về trình tự, thủ tục đăng ký cầm cố tài sản bảo đảm là bất động sản;

Hai là, cần đồng bộ hoá các quy định giữa Bộ luật dân sự 2015 với các luật chuyên ngành khác như Luật Đất đai, Luật Hàng hải... để xác định về hiệu lực của hợp đồng cầm cố, thời điểm phát sinh hiệu lực đối kháng;

Ba là, hoàn thiện cụ thể hơn nữa Bộ luật dân sự 2015 khi quy định về vấn đề các bất động sản được phép giao dịch cầm cố để xác định rõ hiệu lực pháp lý của các giao dịch cầm cố liên quan đến bất động sản.

3. KẾT LUẬN

Hiệu lực đối kháng với người thứ ba là một trong những nội dung quy định pháp luật quan trọng góp phần giải quyết các tranh chấp trong các giao dịch bảo đảm. Bài viết đã tổng quan các quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm cũng như đã đánh giá, tìm ra được những hạn chế, bất cập

và mẫu thuẫn trong quy định pháp luật của biện pháp cầm cố tài sản, từ đó cũng đưa ra một số những kiến nghị góp phần củng cố, hoàn thiện quy định pháp luật về hiệu lực đối kháng của biện pháp cầm cố.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. Nguyễn Minh Tuấn (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB. Công an Nhân dân, Hà Nội;
- [2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam – Tập II*, NXB. Công an Nhân dân, Hà Nội;
- [3]. Nguyễn Hoàng Giang (2020), *Hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam và thực tiễn thực hiện*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.